# BẢNG CẤP GIÓ VÀ CẤP SÓNG

(*Theo Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ tại Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14/ 3/ 2011 của Thủ tướng Chính phủ*)

| Cấp gió | Tốc độ gió | | Độ cao sóng trung bình | Mức độ nguy hại |
|---|---|---|---|---|
| Bô-pho | m/s | km/h | m | |
| 0 | 0 – 0,2 | < 1 | - | Gió nhẹ |
| 1 | 0,3 – 1,5 | 1 – 5 | 0,1 | Không gây nguy hại |
| 2 | 1,6 – 3,3 | 6 – 11 | 0,2 | |
| 3 | 3,4 – 5,4 | 12 - 19 | 0,6 | |
| 4 | 5,5 – 7,9 | 20 – 28 | 1,0 | - Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, ảnh hưởng đến lúa đang phơi màu |
| 5 | 8,0 – 10,7 | 29 - 38 | 2,0 | - Biển hơi động. Thuyền đánh cá bị chao nghiêng, phải cuốn bớt buồm |
| 6 | 10,8 – 13,8 | 39 – 49 | 3,0 | - Cây cối rung chuyển. Khó đi ngược gió. |
| 7 | 13,9 – 17,1 | 50 - 61 | 4,0 | - Biển động. Nguy hiểm đối với tàu, thuyền. |
| 8 | 17,2 – 20,7 | 62 – 74 | 5,5 | - Gió làm gãy cành cây, tốc mái nhà gây thiệt hại về nhà cửa. Không thể đi ngược gió. |
| 9 | 20,8 – 24,4 | 75 - 88 | 7,0 | - Biển động rất mạnh. Rất nguy hiểm đối với tàu, thuyền |
| 10 | 24,5 – 28,4 | 89 – 102 | 9,0 | - Làm đổ cây cối, nhà cửa, cột điện. Gây thiệt hại rất nặng. |
| 11 | 28,5 – 32,6 | 103 - 117 | 11,5 | - Biển động dữ dội. Làm đắm tàu biển |
| 12 | 32,7 – 36,9 | 118 – 133 | 14,0 | - Sức phá hoại cực kỳ lớn. |
| 13 | 37,0 – 41,4 | 134 – 149 | | - Sóng biển cực kỳ mạnh. Đánh đắm tàu biển có trọng tải lớn |
| 14 | 41,5 – 46,1 | 150 – 166 | | |
| 15 | 46,2 – 50,9 | 167 – 183 | | |
| 16 | 51,0 – 56,0 | 184 – 201 | | |
| 17 | 56,1 – 61,2 | 202 - 220 | | |